

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc T, sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: Số 405D, ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hữu T, sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: Số 353Đ, ấp B, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, lời trình bày tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc T trình bày:*

Bà Trần Ngọc T và ông Lê Hữu T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/6/2010, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T nợ nần buộc bà T phải trả nợ thay, ông T thường xuyên đánh đập bà T, bà T thừa nhận có mối quan hệ với người đàn ông khác, nhưng không phải vì lý do đó mà ly hôn, bà T và ông T đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà T và ông T có 01 con chung tên Lê Thị Thúy N, sinh ngày: 04/12/2010. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, lời trình bày tại các phiên hòa giải, bị đơn ông Lê Hữu T trình bày:*

Ông Lê Hữu T thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà T có mối quan hệ với người đàn ông khác từ đầu năm 2023, bà T có trả nợ thay cho ông T 01 lần, ông T thừa nhận có đánh bà T nhưng chỉ tát vài cái. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì muốn hàn gắn sống vì con.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Thúy N, sinh ngày: 04/12/2010. Nếu phải ly hôn, ông T đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các phiên hòa giải, các bên thống nhất với nhau về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, đối với phần quan hệ hôn nhân thì ông T không đồng ý ly hôn với bà T với lý do muốn hàn gắn sống vì con.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc T về việc tranh chấp ly hôn với ông Lê Hữu T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Ngọc T khởi kiện ông Lê Hữu T yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Hữu T là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông Lê Hữu T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T và ông Lê Hữu T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/6/2010, hôn nhân do tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà T và ông T đều thống nhất mâu thuẫn là do bà T có mối quan hệ với người đàn ông khác, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T đánh bà T. Xét thấy, bà T và ông T đều trình bày thống nhất là có mâu thuẫn vợ chồng, ông T không đồng ý ly hôn chỉ với lý do

muốn sống vì con, Tòa án đã triệu tập ông T để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt thể hiện ông T không muốn hàn gắn và bà T, ông T đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc T đối với ông Lê Hữu T.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Ngọc T và ông Lê Hữu T có 01 con chung tên Lê Thị Thúy N, sinh ngày: 04/12/2010. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện con chung đang sinh sống chung với bà T, ông T đồng ý đối với yêu cầu nuôi con chung của bà T và việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của con chung và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà Trần Ngọc T không yêu cầu ông Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Trần Ngọc T và ông Lê Hữu T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Trần Ngọc T và ông Lê Hữu T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Ngọc T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc T đối với bị đơn ông Lê Hữu T về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T được ly hôn với ông Lê Hữu T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thúy N, sinh ngày: 04/12/2010 cho bà Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Trần Ngọc T không yêu cầu ông Lê Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Hữu T được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Ngọc T và ông Lê Hữu T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần Ngọc T và ông Lê Hữu T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Ngọc T phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000955 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Trần Ngọc T đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Ngọc T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lê Hữu T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lê Hoàng Út**